

Ngày	4,900 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	6.5%	-7.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,300 - 6,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	101
Số lượng CPLH (CP)	20,693,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,430
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.08
EPS	83
P/E	58.9

DT thuần

Q1/24

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼193| -58.6%

YoY: ▼80.0| -36.9%

LN trước thuế

Q1/24

0.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.15| -25.1%

YoY: ▼0.36| -44.8%

LN sau thuế

Q1/24

0.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10| -23.0%

YoY: ▼0.29| -45.9%

ROA

2023

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2023

1,069

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.0| -3.0%

LN trước thuế

2023

2.46

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.87| -43.1%

LN sau thuế

2023

0.90

tỷ VNĐ

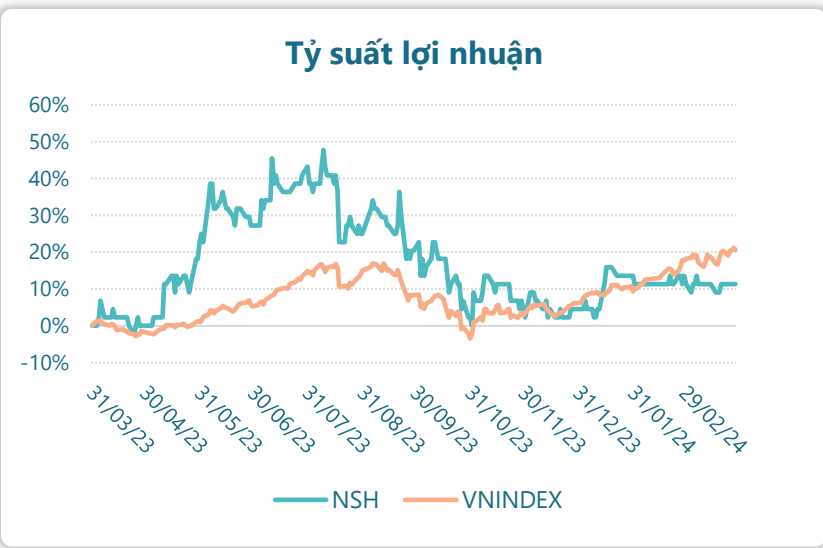
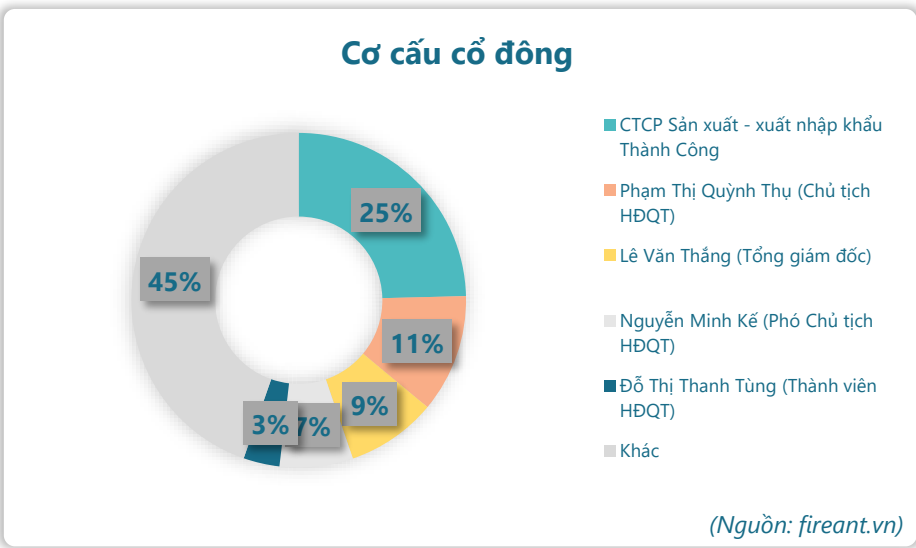
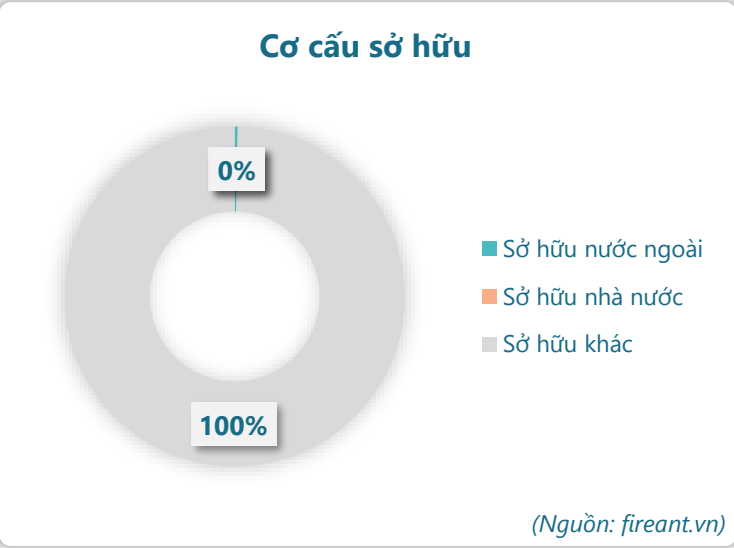
YoY: ▼2.51| -73.6%

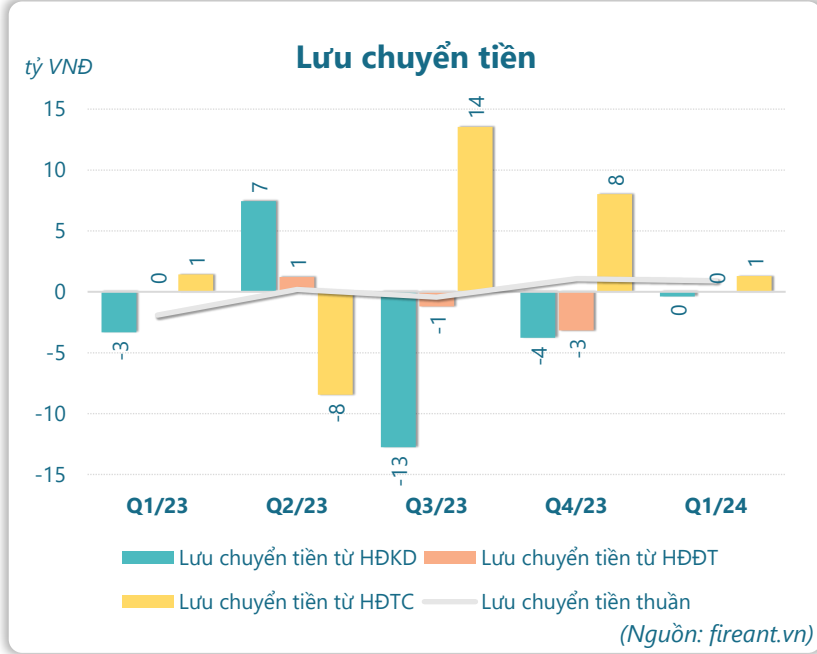
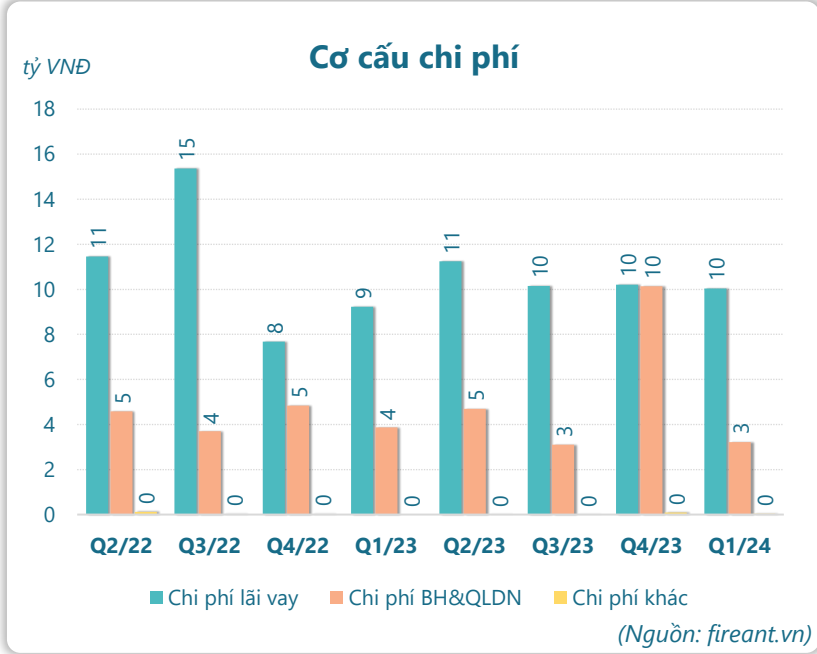
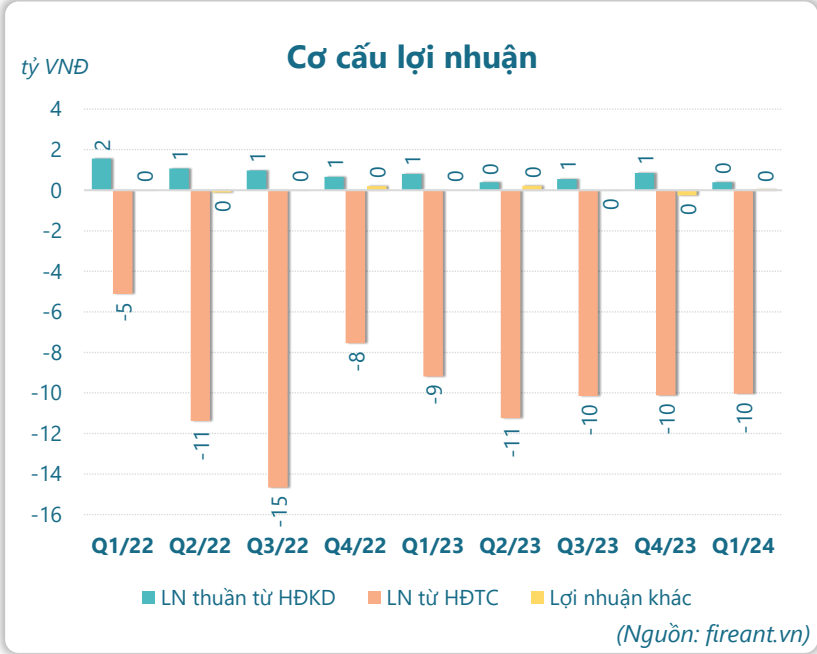
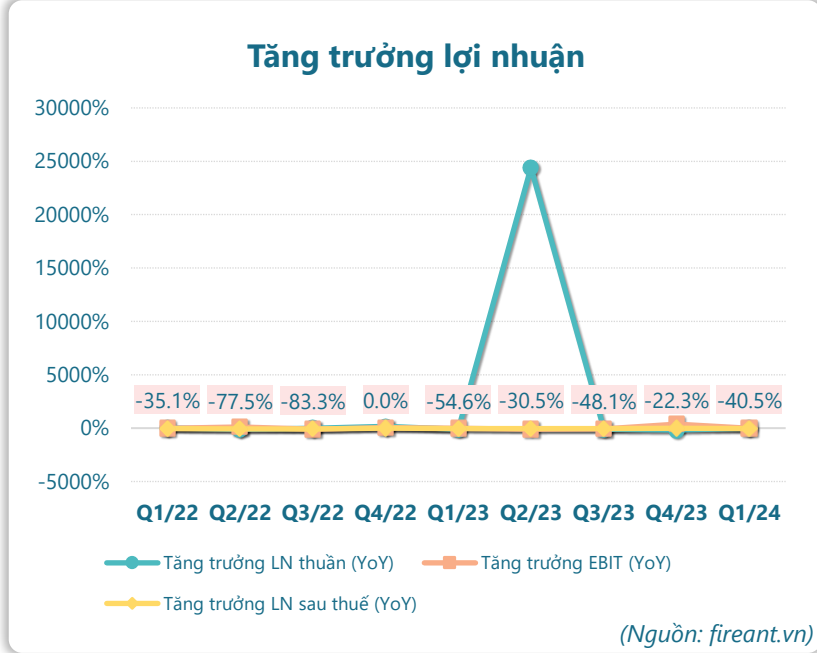
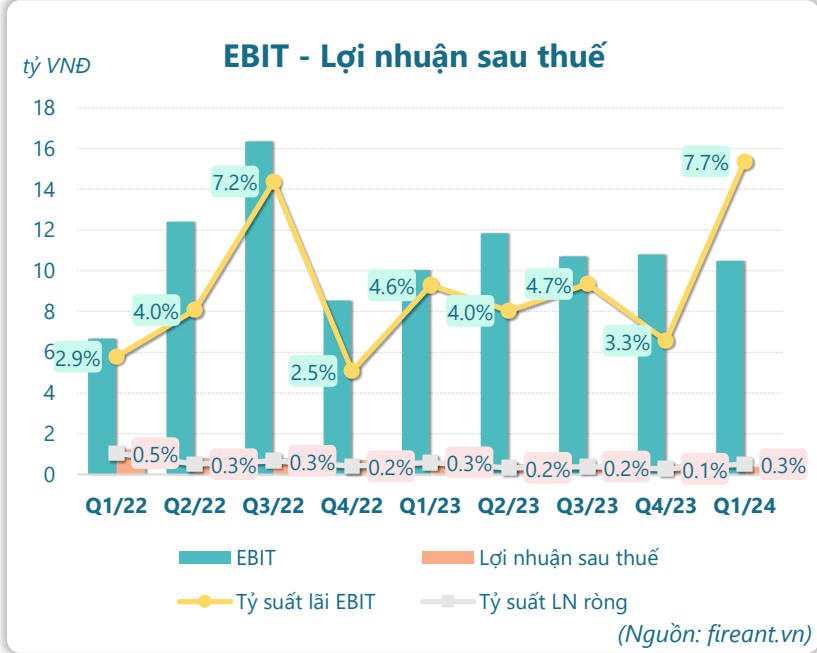
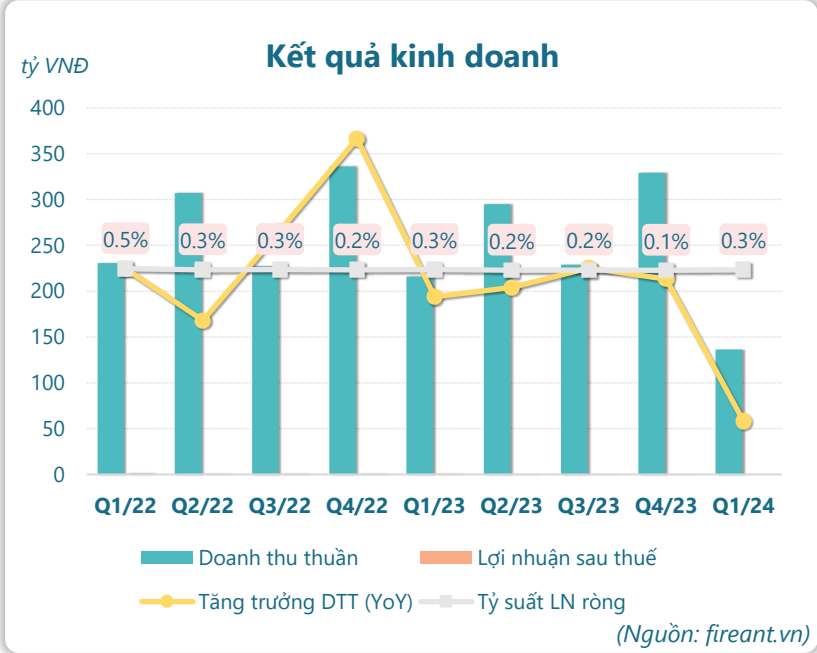
ROE

2023

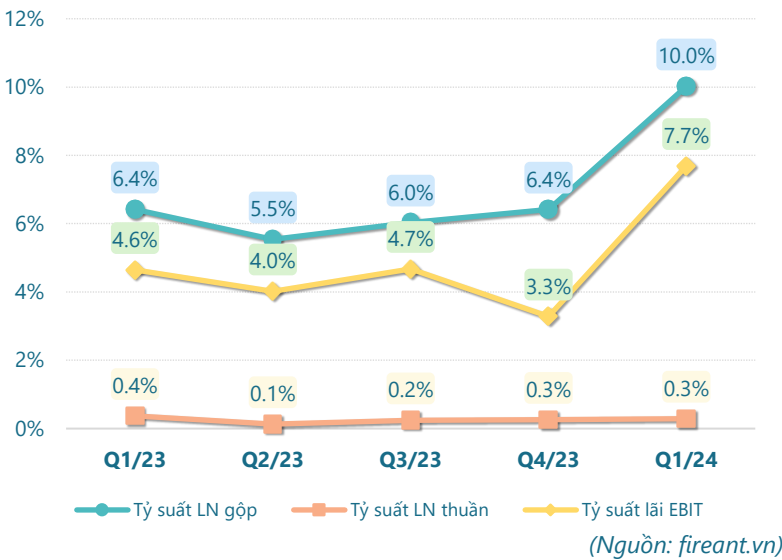
0.4%

+/- YoY: ▼ 1.1%

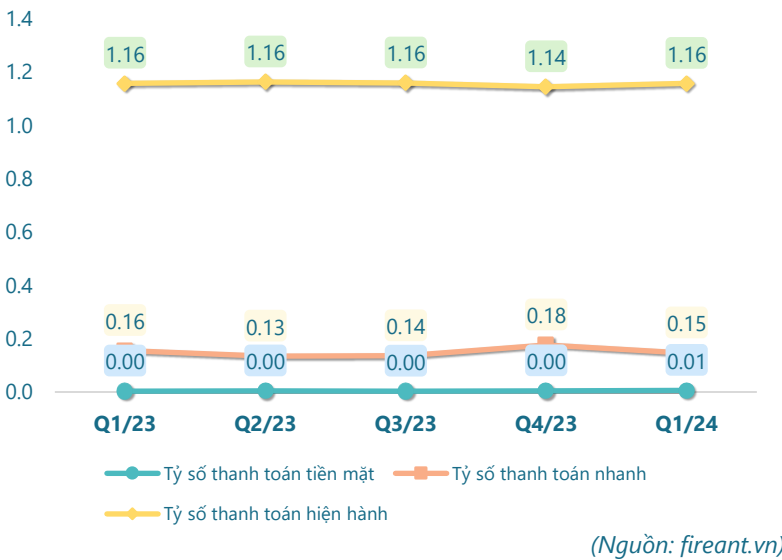




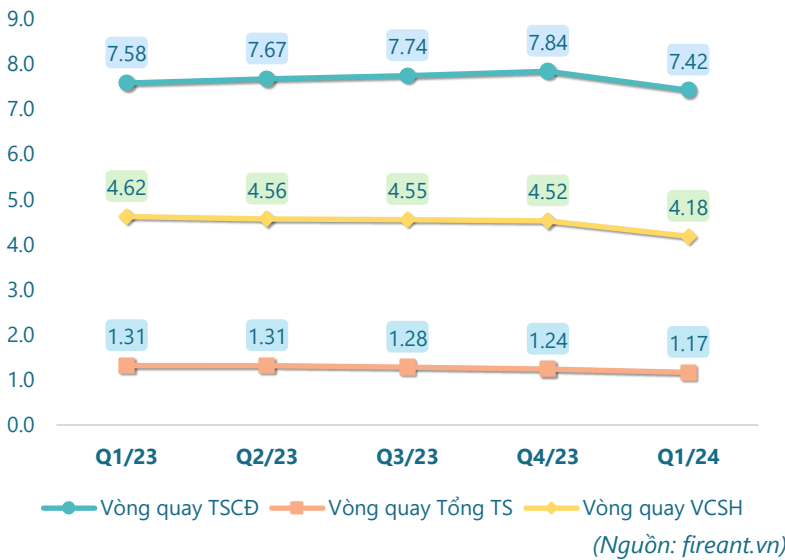
Tỷ suất lợi nhuận



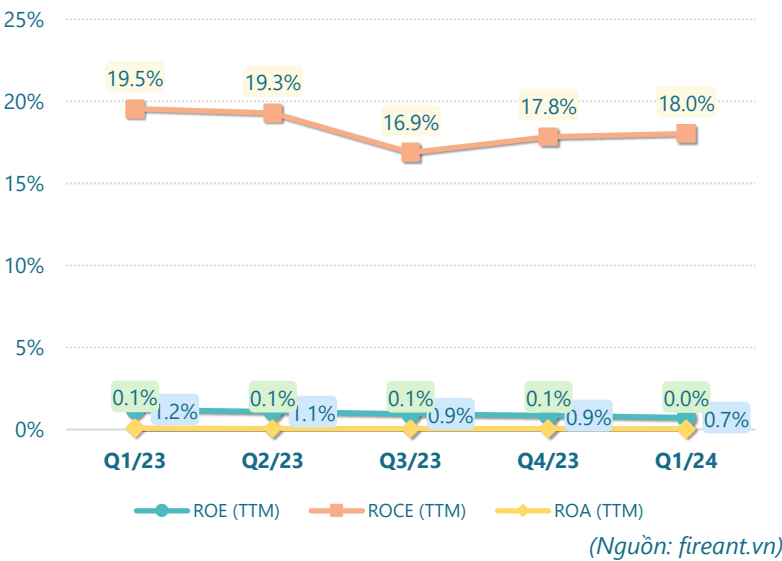
Chỉ số thanh khoản



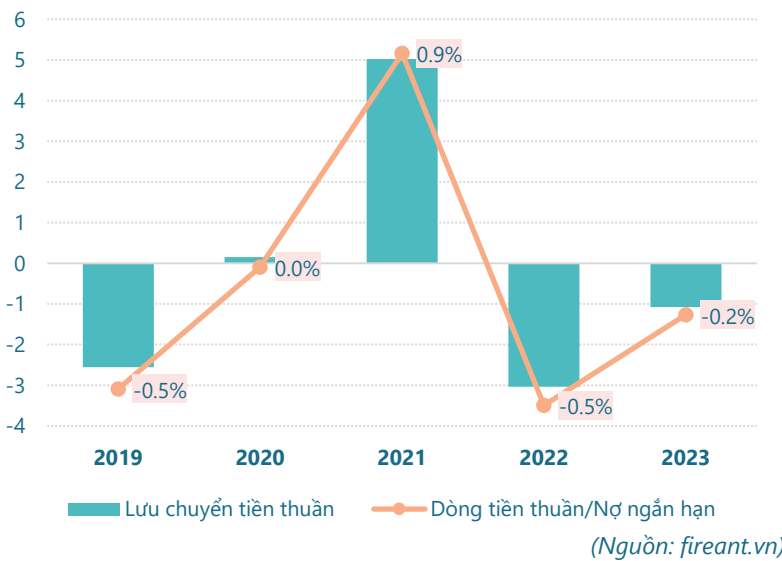
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

